

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-PT

Ngày: 09 - 11 -2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu;**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng;**

2. Ông **Võ Thanh Bình;**

T ký phiên tòa: Ông **La Tương Lai** – T ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thiện P, Nguyễn Hữu A, Phạm Thanh L, Đặng Hoàng S, Huỳnh Lê Minh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Lê Thiện P (P đi), sinh ngày 09/4/1998 tại tỉnh Bến Tre

- Hộ khẩu Thường trú: số 259/4/5, ấp 5, xã T1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H và bà Dương Thị Tuyết N; Vợ là chị Lê Thảo T và có 01 con.

- Nhân thân:

+ Ngày 02/11/2011 bị Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa đi trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi cướp giật tài sản (Quyết định số 5228), chấp hành xong ngày 30/9/2013.

+ Ngày 21/01/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), (bản án số 03/2015/HSST), bị cáo phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích.

+ Ngày 22/01/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 08/05/2020 (bản án số 02/2021/HSPT), hiện đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước từ ngày 08/5/2020.

- Tiền sự: 01 lần, ngày 18/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng (Quyết định số 111), nhưng sau đó P bỏ trốn khỏi cơ sở cai nghiện nên chưa chấp hành xong.

- Tiền án: **Không**.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2021 tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Hữu A (Út Chịch) - sinh ngày 10/8/1996, tại tỉnh Bến Tre

- Hộ khẩu Thường trú: số 39A/14 L1, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S1. Bị cáo chưa có vợ, con.

- Nhân thân:

+ Ngày 21/02/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”, (bản án phúc thẩm số 46/2013/HSPT), bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích.

+ Ngày 24/11/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, (bản án phúc thẩm số 154/2015/HSPT), bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 07/4/2018 và đã được xóa án tích.

+ Ngày 30/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 08/05/2020 (bản án số 85/2020/HSST), chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/5/2021.

- Tiền sự: không

- Tiền án: không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Phạm Thanh L, sinh ngày 20/11/1995, tại tỉnh Tiền Giang.

- Hộ khẩu Thường trú: số 63, ấp T2, xã X, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Phạm Thế Dũng và bà Trần Thị N1. Vợ: Hà Thị C3 và có 01 con sinh năm 2013.

- Tiền sự: không

- Tiền án: không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Đặng Hoàng S (Bù Tọt), sinh ngày 20/01/2000 tại tỉnh Tiền Giang

- Hộ khẩu Thường trú: ấp T3, xã X, huyện C1, tỉnh Tiền Giang

- Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Đặng Văn T4 và bà Dương Thị C4. Bị cáo chưa có vợ con.

- Tiền sự: không

- Tiền án: không.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2020 cho đến nay.
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/ Huỳnh Lê Minh T (Py), sinh ngày 17/12/1999, tại tỉnh Bến Tre
- Hộ khẩu Thường trú: Số 434, ấp T5, xã T4, huyện C5, tỉnh Bến Tre
- Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Huỳnh Vĩnh T6 và bà Lê Thị V. Bị cáo có 02 con, lớn sinh ngày 15/10/2016, nhỏ sinh ngày 21/12/2017.

- Tiền sự: không
- Tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, bản án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo. Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/5/2020, Lê Thiện P điện thoại rủ Đặng Hoàng S và Phạm Thanh L đến khách sạn ALA, địa chỉ: Ấp 2, xã Đ2, thành phố M sử dụng ma túy. Lúc này, P mượn điện thoại di động hiệu Samsung màu đen của L để đăng xuất Facebook của L và đăng nhập Facebook của P (P và T sử dụng chung tài khoản Facebook), P thấy tin nhắn của Dương Ngọc T6, sinh năm 1996, ngụ ấp M3, xã M4, thành phố M gửi cho T có nội dung rủ T đi khách sạn, P giả làm T nhắn tin qua lại với T6 và rủ T6 đến khách sạn ALA. Khoảng 30 phút sau, T6 đến đầu đường vào khách sạn nhắn tin đã đến nhưng do không có T trong phòng nên P, L và S không ra gặp T6, vì vậy T6 bỏ về. Sau đó P kêu S và L ở trong phòng đợi, P điện thoại kêu Nguyễn Hữu A điều khiển xe mô tô không rõ biển số (xe của bạn gái A) đến khách sạn ALA chờ qua nhà T ở Bến Tre lấy xe Sirius và rước T.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày P, T và A về đến khách sạn ALA vào phòng 103 cùng L, S tiếp tục sử dụng ma túy. Lúc này P nói với T là: Lúc trưa tH4 T6 nhắn cho em rủ đi khách sạn, nhưng không có em ở đây nên anh không ra gặp nó, bây giờ em nhắn cho nó kêu đến đây coi được không, T mượn điện thoại di động hiệu Samsung của L đăng nhập tài khoản Facebook của T nhắn tin rủ T6 đến khách sạn ALA, khi T6 trả lời đợi một chút sẽ đến nên T nói lại với P, A, L, S biết “Nhà tH4 này giàu và đi xe xịn không hà”. Lúc này P nói “Một chút mà T6 đến thì bắt phạt lấy xe, lấy điện thoại của nó” cho cả nhóm cùng nghe và đồng ý. P phân công: S cầm dao bA (dao của A đưa cho S) qua phòng 102 khép hờ cửa lại canh chừng nếu thấy T6 bỏ chạy thì chặn lại, L cầm dao T6 lan (dao của P để trong rổ của khách sạn) và A cầm dao tự chế bằng kim loại dài 27cm cán dao dài 10cm, lưỡi dao dài 17cm đi vào nhà vệ sinh đóng cửa lại núp, còn P nằm trên giường cầm búa đợi sẵn. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T6 điều khiển xe mô tô Exciter biển số 63B3-097.39 (Xe do Trần Văn Vũ, sinh năm 1992, ngụ ấp Đ4, xã T6, huyện C1, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu, T6 mua lại của anh Vũ nhưng chưa sang tên) đến và nhắn tin cho T biết, T ra cửa khách sạn đón dẫn T6 vào phòng, T mở cửa phòng

T6 vào trước, T vào sau đóng cửa lại. Tại đây, T6 thấy P cầm 01 cây búa nằm trên giường, A và L trong nhà vệ sinh bước ra còn S từ phòng 102 đi vào. P cầm búa bước xuống hỏi T6 “Mày biết T là gì của tao không” và đưa cây búa lên hăm dọa chém, T6 nói xin lỗi và đưa tay phải lên đỡ nên bị trúng xước da một vết; P cầm búa đến ngồi trên giường, A 01 tay cầm dao tự chế 01 tay kẹp cổ T6 kéo lại chỗ P ngồi, T6 chống cự nên L 01 tay cầm dao T6 lan đến phụ A đẩy T6 đến chỗ P đang ngồi. P kêu T6 quỳ gối xuống và nói có tài sản gì trong người lấy ra hết nên T6 lấy trong người ra một cái bóp da màu đen bên trong có 600.000 đồng và giấy tờ tùy thân, một điện thoại di động hiệu OPPO A5S màu xanh và 01 khẩu trang bên trong có 01 tép ma túy đá để lên giường. Lúc này, T đứng gần đó gom hết tài sản trên mở bóp ra kiểm tra bên trong có 600.000 đồng thông báo lên cho cả nhóm cùng nghe và T đưa cho A 01 điện thoại di động của T6, A kêu T6 mở mặt khẩu sau khi mở xong A cất giữ điện thoại di động trên. P tiếp tục hỏi T6 đi đến đây bằng gì T6 nói đi xe và nhìn thấy chìa khóa xe mô tô đang nằm dưới đất, L đến lượm chìa khóa xe lên, lúc này P kêu L, A lấy xe mô tô của T6 đi cầm nhưng sau đó P đổi ý kêu L lấy xe mô tô của T6 chở T và S đi tìm khách sạn khác ở trước, còn P và A ở lại khống chế T6. L lấy xe mô tô loại Exciter biển số 63B3-097.39 của T6 chở S và T đến khách sạn An Nhiên thuộc Phường 10, thành phố M thuê phòng nhưng do không có giấy chứng minh nhân dân nên khách sạn không cho thuê. L, S và T đứng bên ngoài khách sạn đợi, lúc này P điện thoại cho T kêu L chạy quay lại khách sạn ALA đưa chìa khóa xe Sirius cho P. Sau đó P giao xe Sirius cho A chở T6, L chở P bằng xe Exciter của T6 từ khách sạn ALA đến ngã ba đường Nguyễn Minh Đường và huyện lộ 92 thuộc Ấp 1, xã Đ2, thành phố M bỏ T6 xuống, T6 xin P 30.000 đồng đi xe ôm về, P cho T6 30.000 đồng. Sau đó P, A và L đến khách sạn An Nhiên rước T và S. Tại đây P chở T và S bằng xe mô tô Exciter của T6, còn A chở L bằng xe sirius biển số 63B3-467.73 của P trên đường đi bị lạc nhau nên P điện thoại cho A đến gần chân cầu Rạch Miễu đưa điện thoại cướp được cho P giữ, sau đó A chở L bằng xe Sirius của P về nhà A. P chở T và S đến nhà Đoàn Văn X3 (bạn P), sinh năm 1995, ngụ số 215 ấp Lộ Ngang, xã Bình Đức, huyện C5, tỉnh Tiền Giang sử dụng ma túy, sau khi sử dụng ma túy xong P chở T đến nhà nghỉ Tuấn Anh tại ấp Giáp Nước, xã Phước Thạnh, thành phố M thuê phòng nghỉ ngơi còn S ngủ lại nhà của X3.

Khoảng 10 giờ ngày 07/5/2020 cả nhóm gặp nhau tại nhà Đoàn Văn X3, tại đây P kêu L đổi biển số xe Sirius của P gắn qua xe Exciter của T6 và lấy biển số xe Exciter của T6 gắn qua xe Sirius của P. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, P kêu S chở T đến cửa hàng điện thoại di động “Giàu Mobile” tại Phường 4, thành phố M bán cho chị Lê Thị Thúy H4 (chủ cửa hàng điện thoại), sinh năm 1986, ngụ số 1/8D, đường T6 Sanh Hạnh, Phường 8, thành phố M với giá 1.700.000 đồng. Sau đó, T đem số tiền cầm được về đưa cho P, P đưa L 1.000.000 đồng và nói “cho L với A bỏ túi tiêu xài” nhưng L giữ tiêu xài hết. Số tiền bán điện thoại còn lại 700.000 đồng và số tiền 600.000 đồng cướp được cả nhóm cùng tiêu xài cá nhân hết. Riêng xe mô tô chiếm đoạt của T6 thì P, T để lại làm phương tiện đi lại, đến ngày 08/5/2020 T đem xe đến giao nộp tại Công an huyện C5, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 2564 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Một xe mô tô Yamaha loại Exciter màu tím bạc biển số 63B3-097.39 trị giá 9.000.000 đồng; Một điện thoại di động hiệu OPPO A5S màu xanh trị giá 3.000.000 đồng. Riêng đối với một cái bóp da màu nâu bị hại có đơn từ chối định giá đối với bóp da trên do giá trị không đáng kể.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2021/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố Các bị cáo Lê Thiện P (P đi), Nguyễn Hữu A (Út chịch), Phạm Thanh L (Lùn), Đặng Hoàng S (Bù tọt), Huỳnh Lê Minh T (Py) phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 56 Bộ luật hình sự và Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Thiện P (P đi) 10 (mười) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 12/2021/HSPT ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2020.

2. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự và Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hữu A (Út chịch) 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2021.

- Bị cáo Phạm Thanh L (Lùn) 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2020.

- Bị cáo Đặng Hoàng S (Bù tọt) 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2020.

- Bị cáo Huỳnh Lê Minh T (Py) 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2021, bị cáo Lê Thiện P, Nguyễn Hữu A, Phạm Thanh L, Đặng Hoàng S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/5/2021, bị cáo Huỳnh Lê Minh T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ y yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo T xin hưởng án treo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Các bị cáo đã thừa nhận hành vi dùng hung khí, vũ lực để chiếm

đoạt tài sản của bị hại, nên Tòa cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội. Khi xét xử tòa cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để quyết định hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không bổ sung thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới, mức hình phạt mà tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2021/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, xét thấy lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, với cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xác định:

Do có ý định chiếm đoạt tài sản của Dương Ngọc T6, Lê Thiện P cùng Nguyễn Hữu A, Phạm Thanh L, Đặng Hoàng S và Huỳnh Lê Minh T đã bàn bạc dùng thủ đoạn điện thoại, nhắn tin T6 đến khách sạn để thực hiện ý định. Tại khách sạn P cùng đồng bọn phân công cụ thể vai trò cho từng cá nhân, các bị cáo dùng hung khí như dao, búa đe dọa buộc T6 giao tài sản để bán chia nhau tiêu xài như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 2564 ngày 13/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Một xe mô tô Yamaha loại Exciter màu tím bạc biển số 63B3-097.39 trị giá 9.000.000 đồng; Một điện thoại di động hiệu OPPO A5S màu xanh trị giá 3.000.000 đồng. Riêng đối với một cái bóp da màu nâu bị hại có đơn từ chối định giá đối với bóp da trên do giá trị không đáng kể.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trong đó có hai bị cáo có nhân thân rất xấu, đã từng bị kết án về hành vi chiếm đoạt nhưng vì động cơ xấu, tham lam, muốn có tài sản tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc, các bị cáo đã vô cùng liều lĩnh dùng hung khí, vũ lực đe dọa làm tê liệt ý chí, sự kháng cự của bị hại để chiếm đoạt tài sản, các bị cáo thực hiện với quyết tâm cao, quyết liệt, không hề sợ sệt, bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bản thân các bị cáo từng bị kết án, biết và nhận thức rõ hành vi phạm tội, nhưng không hề ăn năn hối lỗi, không có ý thức cải tạo, liên tục phạm tội, những hình phạt trước đây chưa đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo, chính vì vậy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc,

cách ly ra khỏi xã hội thời gian dài mới có đủ thời gian, điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, tính tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và xử phạt các bị cáo với mức án nêu trên là tương xứng, phù hợp với từng bị cáo và đồng thời đảm bảo tính răn đe và cũng phù hợp pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới nào để xem xét giảm nhẹ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Riêng đối với bị cáo Lê Thiện P, do đã chấp hành xong hình phạt tù 01 năm 06 tháng tại bản án hình sự phúc thẩm số 12/2021/HS-PT ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hiện đã bị bắt tạm giam lại vào ngày 08/11/2021 nên cần điều chỉnh lại thời hạn chấp hành hình phạt tù cho phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Thiện P, Nguyễn Hữu A, Phạm Thanh L, Đặng Hoàng S và Huỳnh Lê Minh T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 323/2021/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố Các bị cáo Lê Thiện P (P đã), Nguyễn Hữu A (Út chịch), Phạm Thanh L (Lùn), Đặng Hoàng S (Bù tọt), Huỳnh Lê Minh T (Py) phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 56 Bộ luật hình sự và Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Thiện P (P đã) 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/11/2021.

2. Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự và Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hữu A (Út chịch) 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2021.

- Bị cáo Phạm Thanh L (Lùn) 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2020.

- Bị cáo Đặng Hoàng S (Bù tọt) 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2020.

- Bị cáo Huỳnh Lê Minh T (Py) 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đán phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư P tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND Tp. M, TG;
- VKSND Tp. M, TG;
- Công an Tp. M, TG;
- THADS Tp. M, TG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Trung Hiếu